TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2022/HNGĐ-PT
Ngày: 28/10/2022
V/v Tranh chấp ly hôn,
nợ chung khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hường

Các Thẩm phán: Bà Đặng Thị Bích Vân

Bà Trần Thị Trâm Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Lành - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 và 28 tháng 10 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2022/HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn, nợ chung khi ly hôn".

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 23/2022/HNGĐ-ST ngày 20/4/2022 của Tòa án nhân dân thành phố R, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 23/2022/QĐXX-HNGĐPT ngày 30/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2022/QĐ-PT ngày 13/9/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phạm Hồng Đ, sinh năm 1964

Địa chỉ: Số 70 N, khu phố 5, P. R, TP. R, tỉnh Kiên Giang

Chỗ ở hiện nay: 80 N, phường V, TP. R, tỉnh Kiên Giang

Người đại diện theo hợp pháp của nguyên đơn:

Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1967

Địa chỉ:13C/34 N, P A, Tp. R , Kiên Giang

(Đại diện theo văn bản ủy quyền)

- *Bị đơn:* Bà Phan Thị Mỹ H, sinh năm 1964

Địa chỉ: Số 30 đường C, khu phố 5, P. A, TP. R, tỉnh Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Thành Vĩnh T, Văn phòng luật sư Nguyễn T thuộc Đoàn luật sư tỉnh H1 Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:*

Bà Diệp Thị N (Diệp Thị N), sinh năm 1937

Địa chỉ: Số 168/23 Đ phường 13, quận P, TP.HCM

*Người đại diện theo ủy quyền của bà N:*Bà Phan Thị Mỹ H1, sinh năm 1968

Địa chỉ: 452A T, P. An Hòa, TP. R, tỉnh Kiên Giang

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Phạm H Đ.

(Ông Đ, ông Trường, bà H, Luật sư T, bà N, bà H1 có mặt tại phiên tòa; Bà N có mặt tại phiên tòa 30/9/2022, vắng mặt tại phiên tòa 28/10/2022)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Nguyên đơn ông Phạm H Đ trình bày:* Ông và bà Phan Thị Mỹ H tự nguyện đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V1, TP. R, tỉnh Kiên Giang vào ngày 24/5/1989. Vợ chồng chung sống hạnh phúc sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Ông Đ và bà H đã sống ly thân từ tháng 02/2020 đến nay.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Phạm Trung H2, sinh năm 1993 đã trưởng thành và có nơi ở riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn bà Phan Thị Mỹ H trình bày:* Bà và ông Phạm Hồng Đ tự nguyện đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Thanh Vân, TP. R, tỉnh Kiên Giang theo quy định pháp luật. Bà H đồng ý ly hôn theo đơn xin ly hôn của ông Đ. Ông bà có 01 con chung là Phạm Trung H2, sinh năm 1993 đã trưởng thành. Bà và ông Đ tự thỏa thuận tài sản chung, nếu không thỏa thuận được sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác, không yêu cầu Tòa án giải quyết chung trong vụ kiện này.

Về nợ chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có nợ chung: Vợ chồng anh Út: 1.620.000.000 đồng (Một tỷ sáu trăm hai mươi triệu đồng), 3.000 USD, 01 lượng vàng 24k; Nợ chị H1: 420.000.000 đồng (Bốn trăm hai mươi triệu đồng); 05 lượng vàng 18k, 1,6 lượng vàng 24k, 900 đô la Úc; nợ bà H: 900.000.000 đồng (Chín trăm triệu đồng); nợ bà Cao Thị M: 570.000.000 đồng (Năm trăm bảy mươi triệu đồng); nợ bà Trần Thị Quế P: 2.400.000.000 đồng (Hai tỷ bốn trăm triệu

đồng); nợ bà Trần Mỹ L: 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), 03 lượng vàng 24k; nợ Ngân hàng Hàng Hải 6.500.000.000 đồng số nợ này đã trả xong; nợ mẹ ruột là bà Diệp Thị N: 70 lượng vàng SJC, 350.000.000 đồng. Tuy nhiên, do bà chưa cung cấp được các thông tin địa chỉ, tài liệu chứng cứ cho Tòa án trong lúc này được nên chỉ yêu cầu giải quyết nợ chung của mẹ ruột là bà Diệp Thị N.

- *Người có quyền nghĩa vụ liên quan độc lập:theo đơn kiện của bà Diệp Thị N và bà Phan Thị Mỹ H1 là người đại diện theo ủy quyền bà N trình bày:* Do ông Đ là con rễ và bà H là con gái ruột nên bà N tin tưởng cho ông Đ, bà H mượn vàng, tiền làm vốn và không có tính lãi. Khi mượn ông Đ, bà H có thỏa thuận khi nào bà N cần lấy lại sẽ báo trước 01 tháng sẽ trả lại. Nay bà N tuổi đã cao cần lấy lại số vàng, tiền cho mượn để dưỡng già. Yêu cầu ông Đ và bà H cùng có trách nhiệm trả cho bà N 70 lượng vàng SJC và 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng) chỉ yêu cầu trả vốn gốc, không yêu cầu tính lãi.

Tại bản án sơ thẩm số 23/2022/HNGĐ-ST ngày 20/4/2022 của Tòa án nhân dân thành phố R, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Phạm H Đ và bà Phan Thị Mỹ H.

2. Về con chung: Có 01 con chung là Phạm Trung H2, sinh năm 1993, đã thành niên.

3. Về tài sản chung: Không có yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Buộc ông Phạm H Đ và bà Phan Thị Mỹ H có trách nhiệm liên đới trả cho bà Diệp Thị N (Diệp Thị N) số tài sản đã vay mượn là 70 lượng vàng (loại vàng SJC), tiền: 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và báo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

- Ngày 26 tháng 4 năm 2022 nguyên đơn ông Phạm H Đ kháng cáo, yêu cầu xem xét lại một phần bản án sơ thẩm về trách nhiệm trả nợ cho bà N và tuyên cho ông không phải chịu trách nhiệm cùng trả nợ 70 cây vàng SJC và 350 triệu đồng cho bà N. Lý do vì việc kinh doanh cửa hàng vàng là do bà H hoàn toàn quản lý; không biết số vàng 70 lượng và 350.000.000đ mượn của mẹ vợ. Mẹ vợ ông giao cho ông trong một bọc chỉ nói tôi cầm về đưa cho bà H, không giao trực tiếp bao nhiêu cây vàng và loại vàng gì, không nói mục đích đưa cho bà H là gì. Ký biên

nhận là ký khống vào nhiều tờ giấy trắng do bà H ép ký, nếu không ký thì bà H đòi nhày lầu tự tử.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn ông Phạm H Đ trình bày: giữ nguyên yêu cầu kháng cáo không đồng ý chịu trách nhiệm nợ chung với bà H theo yêu cầu khởi kiện của bà Diệp Thị N.Ông yêu cầu giám định tuổi màu mực chữ ký của ông trong giấy nhận nợ và yêu cầu cho ông trực tiếp xem giấy nhận nợ gốc đối với chữ ký của ông. Ông Đ xác định ngày 30/6 và ngày 01/5/2015 ông không đi Thành phố Hồ Chí Minh nhận vàng từ bà N. Ông Đ không thừa nhận tiếng nói người nam trong đoạn ghi âm bà H1 cung cấp tại phiên tòa là của ông do nghe không rõ và không biết đoạn ghi âm này tại đâu. Nếu ghi âm tại phiên hòa giải thì căn cứ vào biên bản hòa giải để giải quyết. Ông không thừa nhận có mượn 70 lượng vàng của bà N, số tiền 350 triệu đồng bà N kiện theo giấy nợ thì ông cũng không biết. Yêu cầu Tòa bác yêu cầu khởi kiện của bà N về nợ chung theo bản án sơ thẩm.

Ông Trường có ý kiến bổ sung: yêu cầu bà N cung cấp giấy nợ gốc, lời khai bà H về thời gian ông Đ nhận vàng không thống nhất nhau, đề nghị xét xử theo quy định pháp luật.

- Bị đơn bà Phan Thị Mỹ H trình bày: Không đồng ý yêu cầu kháng cáo của ông Đ. Bà xác định ông Đ nhận 70 lượng vàng từ bà N sáng ngày 30/5/2015, ông Đ đi xe và về đến R vào sáng ngày 01/6/2015 giao lại cho bà nên bà ghi giấy nợ là 01/6/2015. Và khi nhận vàng từ bà N thì không làm biên nhận, đến cuối năm 2019 do không tin tưởng ông Đ nên bà ghi giấy nợ với bà N. Đối với số tiền 350 triệu đồng là giữa bà và bà N mượn mua đồ cấn trừ qua lại đến tháng 12/2015 thì tính tổng nợ là 350 triệu đồng. Khi ông Đ ký giấy nợ là đã ghi nội dung, không có việc ký tên vào tờ giấy chưa ghi nội dung như trình bày của ông Đ.

- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn – Luật sư Nguyễn Thành Vĩnh T trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của ông Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Buộc ông Đ cùng bà H trả nợ bà N 70 lượng vàng SJC và 350 triệu đồng. Do ông Đ đã ký và thừa nhận trong giấy nhận nợ, không chứng minh bị ép buộc, đe dọa khi ký giấy nợ và ký vào tờ giấy chưa ghi nội dung.

Về bản gốc giấy nợ đúng là phải giao nộp cho Tòa án khi giải quyết vụ án, bản gốc giấy nợ chưa nộp nhưng giấy nợ cũng đã được cán bộ Tòa án đối cH2.

Đối với đoạn ghi âm do bà H1 cung cấp và công khai tại phiên tòa phúc thẩm là chứng cứ mới phát sinh so với cấp sơ thẩm. Tuy nhiên nếu Tòa án xác định đây là chứng cứ mới và hủy bản án sơ thẩm, trả hồ sơ, giao cấp sơ thẩm tiến hành giám định bản ghi âm là không cần thiết và không làm thay đổi bản chất vụ án. Đề

nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu giám định nếu các bên có yêu cầu và xem xét giải quyết yêu cầu này tại cấp phúc thẩm.

- Người đại diện theo ủy quyền của bà Diệp Thị N – bà Phan Thị Mỹ H1 trình bày: Bà xác định hiện tại giấy nợ gốc bà N giữ bị thất lạc chưa tìm thấy để nộp theo yêu cầu của Tòa. Bà N cho rằng 70 lượng vàng SJC giao trực tiếp cho ông Đ tại nhà bà N ở TP.HCM, không có ai chứng kiến. Tiền thì bà cho bà H mượn nhiều lần mua đồ, không giao tiền trực tiếp cho ông Đ mượn.

Bà N, bà H1 yêu cầu bác yêu cầu kháng cáo của ông Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm về việc buộc ông Đ, bà H cùng trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của bà N. Đoạn ghi âm do bà cung cấp kèm theo vi bằng được ghi âm tại phiên hòa giải ngày 12/01/2022 tại Tòa án thành phố R. Ông Đ đã thừa nhận lấy 70 lượng vàng từ bà N. Nếu ông Đ nghe nhưng không thừa nhận giọng nói của ông Đ theo đoạn ghi âm được công khai tại phiên tòa thì bà yêu cầu giám định theo quy định pháp luật. Giấy nợ gốc chưa xác định khi nào tìm được do bà N đã lớn tuổi nên cất giữ giấy nợ thất lạc.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng thực hiện theo đúng quy định quyền nghĩa vụ theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 3 Điều 308, hủy một phần bản án sơ thẩm về phần nợ chung theo yêu cầu khởi kiện của bà N. Biên nhận nợ trong hồ sơ vụ án là bản photocopy có chữ ký xác nhận đã đối cH2 nhưng không xác định chữ ký đối cH2 của ai. Cấp sơ thẩm căn cứ biên nhận nợ ông Đ ký nhận, xác định nợ chung và buộc ông Đ có trách nhiệm liên đới trả nợ tuy nhiên giấy nợ là giấy photo không phù hợp với quy định tại Điều 93 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại cấp phúc thẩm ông Đ cung cấp nhiều chứng cứ mới là hồ sơ bệnh án ngày 01/6/2015, 31/5/2015, phát sinh chứng cứ mới tại phiên tòa phúc thẩm về đoạn ghi âm do bà H1 cung cấp. Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 3 Điều 308, hủy một phần bản án sơ thẩm về phần nợ chung, giao hồ sơ cho cấp sơ thẩm xem xét giải quyết theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân, con chung: Các bên không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên phần này của Bản án có hiệu lực pháp luật.

[2] Về nợ chung: Xét đơn kháng cáo của ông Phạm H Đ không đồng ý cùng bà Phan Thị Mỹ H trả nợ 70 lượng vàng SJC và 350 triệu đồng theo yêu cầu khởi kiện của bà Diệp Thị N (Diệp Thị N) theo giấy nhận nợ ngày 01/6/2015. Hội đồng

xét xử xét thấy: Tại cấp phúc thẩm, bà N và bà H1 là người đại diện theo ủy quyền của bà N xác định giấy nợ gốc ngày 01/6/2015 hiện bà N đang giữ nhưng bị thất lạc hiện nay chưa nộp được cho Tòa.

Bà H xác định giấy nợ ngày 01/6/2015 là do bà H viết, ông Đ cùng ký vào cuối năm 2019, khi ông Đ nhận vàng từ bà N ngày 01/6/2015 không làm biên nhận nợ. Tại phiên tòa bà H trình bày ông Đ nhận 70 lượng vàng vào ngày 30/5/2015. Ông Đ xác định và cung cấp chứng cứ ngày 30/5/2015 và ngày 01/6/2015 ông Đ không có mặt tại Thành phố Hồ Chí Minh để nhận vàng mà ông Đ đang làm việc tại bệnh viện Bình An.

Bà H1 cung cấp đoạn ghi âm được Thừa phát lại lập vi bằng. Bà H1 cho rằng giọng nói người nam trong đoạn ghi âm là của ông Đ tại phiên hòa giải ngày 12/01/2022 tại Tòa án nhân dân TP. R, có nội dung thừa nhận nợ của ông Đ với bà N. Đoạn ghi âm được Hội đồng xét xử công bố tại phiên tòa nhưng ông Đ không thừa nhận giọng nói là của ông Đ, nội dung ông Đ nghe không rõ.

Hội đồng xét xử xét thấy tại phiên tòa phúc thẩm có phát sinh chứng cứ mới so với cấp sơ thẩm. Ông Đ không thừa nhận nợ chung, bà N chưa cung cấp giấy nợ gốc ngày 01/6/2015dl nên việc đánh giá chứng cứ cần xem xét lại theo chứng cứ mới đương sự cung cấp tại phúc thẩm. Do vậy, trong thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử thống nhất theo quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, không chấp nhận theo đề nghị của Người bảo vệ quyền lợi cho bị đơn, hủy một phần bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm về phần nợ chung, giao hồ sơ về Tòa án nhân dân TP. R thụ lý, giải quyết lại theo quy định chung.

[3] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm giữ nguyên theo bản án sơ thẩm.

Án phí nợ chung sẽ được tính lại khi Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, xét xử lại.

Án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: do Bản án sơ thẩm bị hủy phần liên quan yêu cầu ông Đ kháng cáo nên ông Đ không phải nộp án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 27, khoản 1 Điều 51, Điều 55, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Điều 117, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015

Khoản 5 Điều 27, Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Hủy một phần bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm 23/2022/HNGĐ-ST ngày 20/4/2022 của Tòa án nhân dân thành phố R, tỉnh Kiên Giang về phần nợ chung.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Phạm H Đ và bà Phan Thị Mỹ H.

2. Về con chung: Có 01 con chung là Phạm Trung H2, sinh năm 1993, đã thành niên.

3. Về tài sản chung: Không có yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Hủy phần quyết định của Bản án sơ thẩm tuyên buộc ông Phạm H Đ và bà Phan Thị Mỹ H có trách nhiệm liên đới trả cho bà Diệp Thị N (Diệp Thị N) số tài sản đã vay mượn là 70 lượng vàng (loại vàng SJC), tiền: 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng). Giao hồ sơ về Tòa án nhân dân thành phố R, tỉnh Kiên Giang thụ lý, giải quyết lại sơ thẩm theo quy định pháp luật.

5. Về án phí:

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), khấu trừ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001401 ngày 28/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Án phí nợ chung theo yêu cầu khởi kiện của người liên quan độc lập sẽ được tính lại khi Tòa án nhân dân thành phố R thụ lý, giải quyết lại theo quy định chung.

- Án phí phúc thẩm: Ông Đ không phải chịu, do bản án sơ thẩm bị hủy một phần liên quan đến yêu cầu kháng cáo của ông Đ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Kiên Giang;

- TAND TP. R;
- Chi cục THADS TP. R;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Kim Hường